

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-PT
Ngày 28-4-2021
“V/v tranh chấp về cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phương

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp về cấp dưỡng”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh X, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 376/8, ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà 355/4, ấp B, xã T2, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh X trình bày:

Bà X và ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 136/2017/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm

2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Khi ly hôn bà X được trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Minh T2, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 và Lê Thiên T3, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2007, ông T không phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay, kinh tế của bà gặp khó khăn không đủ để nuôi hai con chung nên bà yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay, bà phụ xe buýt thu nhập mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, còn ông T lái xe buýt thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà X về thời gian ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn. Khi ly hôn bà X được trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Minh T2, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 và Lê Thiên T3, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2007, ông T không phải cấp dưỡng cho con. Nay bà X yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi người con ông không đồng ý. Ông chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi người con, vì hiện nay công việc của ông không ổn định, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng.

Vụ án đã được hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 82, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X đối với ông T về cấp dưỡng nuôi con.

Buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Lê Minh T2, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 và Lê Thiên T3, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2007 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, bị đơn ông T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T vẫn nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Thanh trình bày: Hiện nay sức khỏe ông không tốt, bị đau khớp, nếu ông không còn lái xe được thì không có khả năng cấp dưỡng cho 02 con; mặt khác, nếu trong thời gian lái xe bị vi phạm Công an phạt tịch thu giấy phép lái xe thì ông sẽ bị mất việc không có thu nhập. Mặc dù ông thừa nhận hàng tháng cấp dưỡng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đối với 01 con chung thì sẽ không đủ để nuôi dưỡng con phát triển tốt nhưng hoàn cảnh của ông khó khăn phải nuôi mẹ già. Trong thời gian ông và bà X sống chung ông vẫn lái xe buýt cho gia đình bà X nhưng ông không nhận được tiền công nên nếu buộc ông cấp dưỡng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông sẽ yêu cầu bà X trả tiền công cho ông trong thời gian lái xe buýt cho gia đình bà X trước đây.

Bà X trình bày: Ông T có điều kiện cấp dưỡng cho con, ông T không phải nuôi dưỡng mẹ già như trình bày, mẹ ông T sau này có về nhà sống nhưng có các anh chị chăm lo. Sau khi ly hôn ông T có tài sản, mặc dù tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do vợ chồng tạo chỉ có 01 mảnh đất, sau đó cha mẹ ruột của bà có cho bà 01 mảnh đất nhưng khi ly hôn bà vẫn đồng ý lấy 02 mảnh đất chia đều, ông T vẫn nhận 01 mảnh đất. Từ khi bà nuôi dưỡng 02 con chung, ông T hoàn toàn không hỗ trợ về kinh tế để bà nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay thu nhập hàng tháng của bà khoảng 4.000.000 đồng nên không đủ khả năng để nuôi 02 con chung.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Án sơ thẩm buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), ông T kháng cáo đồng ý cấp dưỡng hàng tháng 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi con chung. Năm 2017 sau khi ly hôn bà X nuôi con chung, thu nhập hàng tháng của bà X khoảng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) không đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con

chung. Căn cứ vào mức thu nhập hàng tháng của ông T từ 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), án sơ thẩm buộc cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi con chung là đã cân nhắc đến điều kiện của ông T, mức sống của hai con chung. Những lý do ông T đưa ra như nuôi mẹ già, nếu vi phạm luật giao thông sẽ không có thu nhập không có sức thuyết phục. Vì vậy, kháng cáo của ông T không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án tuyên “*Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*” là không phù hợp trong vụ án này, cần sửa cách tuyên cho phù hợp.

Đề nghị bác kháng cáo của ông Thanh, sửa lại cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Thanh hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo về một phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông T thấy rằng: Hai con chung tên Lê Minh T2, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 và Lê Thiên T3, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2007 hiện nay đã lớn và đã đi học. Hiện tại điều kiện kinh tế của bà X khó khăn, thu nhập mỗi tháng phụ xe buýt từ 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nên yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Ông T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 82, 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T lái xe buýt mỗi tháng thu nhập từ 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T cấp dưỡng cho mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) là đã cân nhắc đến điều kiện kinh tế của ông T và mức sống. Những lý do ông T nêu ra như “nếu trong thời gian lái xe bị vi phạm Công an phạt tịch thu giấy phép lái xe thì ông sẽ bị mất việc không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình của ông khó khăn phải nuôi mẹ già” là chưa có sức thuyết phục và căn cứ để chấp nhận.

[4] Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.*” là không cần thiết do Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số

136/2017/QĐST- HNGĐ ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định vấn đề này. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên thiếu nghĩa vụ chậm thi hành án nên Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung để đảm bảo thi hành án.

[5] Từ nhận định mục [3], [4] không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T. Sửa cách tuyên của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Thanh phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T.

Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An về cách tuyên án.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 82, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh X đối với ông Lê Văn T tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

Buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Lê Minh T2, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2004 và Lê Thiên T3, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2007 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000856 ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền